

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2017
“V/v: Tranh chấp HN&GD”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Tôn Văn Nhất

2. Nguyễn Minh Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BP.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 216/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017. Về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H; Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện BÐ, tỉnh BP.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Cao C; Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện BÐ, tỉnh BP.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Địa chỉ: CC5 Bán Đảo Linh Tràm, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hạp Tiến K, Phó giám đốc Phòng giao dịch BÐ, theo Văn bản ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách và Văn bản ủy quyền số: 168/NHCS ngày 21/7/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch BÐ,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Cao C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, năm 2015 đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C nghiện hút, không chăm lo cuộc sống gia đình, đánh đập vợ con. Nay chị không còn tình cảm với anh C nên xin được ly hôn. Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 25/10/2015, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau ly hôn, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Chị không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung; Chị và anh C còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội 12.000.000đ vay để đưa cha mẹ chồng trả khoản nợ ứng trước để đào giếng và xây nhà vệ sinh thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường, nay có nguyện vọng mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn Nguyễn Cao C xác nhận nội dung nguyên đơn khởi kiện là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn; đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và có nguyện vọng tự thỏa thuận giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị H; Vợ chồng không có tài sản chung, có nợ chung của Ngân hàng chính sách xã hội 12.000.000đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại đơn có đơn yêu cầu độc lập ngày 21/7/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hạp Tiến K đại diện Ngân hàng chính sách xã hội trình bày: Ngày 08/6/2016, hộ Lê Thị H và Nguyễn Cao C có vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 12.000.000đ thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường; hạn trả nhiều lần trong 60 tháng, thời hạn trả cuối cùng là ngày 08/6/2021; cấp tiền tại Phòng giao dịch BĐ - Chi nhánh BP bằng hình thức tín chấp. Nay Ngân hàng chính sách xã hội rút yêu cầu khởi kiện đối với chị H anh C để xác minh lại việc sử dụng vốn vay có đúng mục đích không.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ chị H cung cấp, Tòa án thu thập gồm: Đơn khởi kiện ngày 06/7/2017; Bản tự khai ngày 03/8/2017; Bản sao giấy khai sinh số 212 24/11/2015 của cháu Nguyễn Duy Kh; Giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyền số 01/2015 ngày 26/5/2015 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện BĐ, tỉnh BP chứng nhận kết hôn cho anh C chị H; Đơn yêu cầu độc lập ngày 21/7/2017; bản sao sổ vay vốn, sổ lưu từ rời theo dõi của Ngân hàng chính sách – Chi nhánh BP – Phòng giao dịch BĐ có cơ sở xác định chị H và anh C tự nguyện sống chung với nhau năm 2014, năm 2015 mới đăng ký kết hôn; Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016, trầm trọng từ năm 2017, nguyên nhân chính do anh C nghiện ma túy, không chăm lo cuộc sống gia đình, có hành vi bạo lực với vợ con; Mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Chị H và anh C có 01 con chung là Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 25/10/2015, hai bên thống nhất chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, không nhất về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh C không yêu cầu chia tài sản chung.

Chị H và anh C có vay Ngân hàng chính sách xã hội 12.000.000đ chưa đến hạn thanh toán. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng rút đơn yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp; Quá trình chung sống chị H và anh C không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh C nghiện ma túy, không quan tâm chăm sóc vợ con, có hành vi bạo lực gia đình vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến chị H phải bỏ nhà sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Cả anh C và chị H đều không có nguyện vọng gia đình, nhưng anh C không tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nên không có cơ sở để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Thủy là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 25/10/2015, anh C và chị H thống nhất chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần giao con chung của chị H và anh C cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con 1.500.000đ/tháng cho đến khi con thành niên vì anh C có thu nhập từ việc đánh cá và làm công việc tự do mỗi tháng trung bình khoảng 5.000.000đ; anh C có nguyện vọng tự thỏa thuận giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị H nhưng do anh C không tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nên không có cơ sở để thỏa thuận. Do đó, cần buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

[4]. Về nợ chung: Ngày 08/6/2016, chị Lê Thị H vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 12.000.000đ, thời hạn trả cuối cùng là ngày 08/6/2021. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng chính sách xã hội rút yêu cầu độc lập đối với anh C chị H, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên được chấp nhận và cần đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng theo qui định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn phải nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Cao C.

2. Về con chung: Chị Lê Thị H có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 25/10/2015; Anh Nguyễn Cao C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập ngày 21/7/2017 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với chị Lê Thị H và anh Nguyễn Cao C.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Cao C phải nộp 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con; Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021416 ngày 19/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh BP.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BD;
- CCTHADS huyện BD;
- UBND xã M;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ

